

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
1	KA MỘNG THUYỀN	06/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Châu mạ	1.0	10	10	10	10	41.0	8.4	15.8	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
2	LÊ PHƯỚC LỘC	23/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.5	18.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
3	NGUYỄN HOÀNG THỦY TIỀN	27/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.5	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
4	TRƯƠNG THANH VÂN	17/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	18.1	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
5	VŨ QUỲNH CHI	07/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.9	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
6	LÊ MINH	02/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
7	TRẦN NGUYỄN	22/01/2008	Đồng Tháp	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.3	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
8	ĐẶNG MINH KHUÊ	26/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	18.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
9	LẠI HUYỀN THẢO MY	12/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
10	NGUYỄN NGUYỄN SA	08/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
11	TRẦN THẢO LY	23/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.0	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
12	LÊ VÂN NGÂN	04/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	18.1	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
13	LÊ PHƯƠNG HẠ QUYÊN	28/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
14	DƯƠNG THỊ LAN ANH	05/08/2008	Đồng Nai	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.4	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
15	LÊ NGUYỄN LINH NHI	09/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.0	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
16	NGUYỄN QUANG MINH	19/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
17	NGUYỄN NHẬT THIÊN	16/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
18	NGUYỄN THỊ THU NHƯ	07/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	17.5	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đạ Tồn		NV1
19	PHẠM THỦY NGA	21/09/2008	Nam Định	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	17.4	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
20	NGUYỄN PHAN THANH NGỌC	20/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	17.2	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
21	LÊ NGUYỄN QUỲNH NHƯ	16/12/2008	Đồng Tháp	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	17.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
22	NGÔ LÊ THANH XUÂN	02/10/2008	Đồng Nai	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
23	TRỊNH NHẬT HUY	16/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.0	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
24	NGUYỄN HỮU ĐĂNG KHOA	26/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	15.9	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
25	VŨ NGUYỄN DIỆU	HÀNG	15/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	17.6	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
26	HUỖNH NGUYỄN NGỌC	BÍCH	16/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	17.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
27	LÊ DIỄM QUỲNH	HƯƠNG	24/03/2008	Vĩnh Long	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	17.4	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
28	LÊ QUANG	TIẾN	30/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
29	CAO TẤN	HUY	21/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.4	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
30	ĐẶNG LÊ BÍCH	THÙY	31/01/2008	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.7	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
31	NGUYỄN PHAN THANH	NGÂN	20/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.8	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
32	NGUYỄN VŨ TRÀ	MY	20/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
33	TRẦN ANH	QUÂN	22/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.1	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
34	NGUYỄN THANH HẢI	ANH	06/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.1	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
35	ĐÀO TẤN NGỌC	HIỀN	20/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.0	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
36	NGUYỄN NHẬT	QUỲNH	24/07/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	15.8	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
37	NGUYỄN VŨ MINH	THƯ	23/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	15.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
38	NGUYỄN LÊ HOÀNG	THỊNH	14/04/2008	Đồng Tháp	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	15.1	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
39	PHAN QUỲNH	ANH	04/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	17.4	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
40	TRỊNH PHẠM HUYỀN	TRANG	17/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	17.0	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
41	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	18/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.1	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
42	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	06/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	15.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
43	NHŨ ANH	THƯ	08/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	15.8	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
44	NGUYỄN ĐỖ NHẬT	QUỲNH	02/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.4	17.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
45	PHẠM NGỌC TRÀ	MY	23/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.4	17.4	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
46	HUỖNH TẤN	SƠN	14/10/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.4	16.4	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đạ Tồn		NV1
47	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	09/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.4	16.1	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
48	PHAN HUY	TỨ	26/06/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.4	14.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
49	PHẠM HỒNG	NHUNG	17/08/2008	Đồng Nai	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.3	17.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
50	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	KIỆT	27/10/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.2	15.1	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
51	PHÙNG THỊ PHƯƠNG	HOÀI	20/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.1	16.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
52	NGUYỄN NGỌC DIỄM	09/09/2008	Đồng Nai	Nữ	Kinh		10	9	10	10	39.0	8.9	16.5	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
53	HÀU THỊ YẾN	10/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	9	9	10	10	39.0	8.8	17.0	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
54	NGUYỄN TIẾN SANG	27/07/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	10	10	10	39.0	8.6	17.0	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
55	LÊ HOÀNG GIA	26/08/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		10	10	9	10	39.0	8.6	16.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
56	ĐÌNH PHƯƠNG THẢO	23/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	10	10	39.0	8.6	16.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
57	NGUYỄN ANH THU	24/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	10	10	10	39.0	8.6	15.9	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
58	LÊ NGỌC HÂN	03/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	9	10	39.0	8.6	14.9	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
59	NGUYỄN TRẦN BẢO THY	27/11/2008	An Giang	Nữ	Kinh		10	9	10	10	39.0	8.5	17.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
60	VŨ XUÂN THIÊN	29/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	10	10	39.0	8.4	16.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
61	NGUYỄN DIỆU HƯƠNG	08/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	10	10	10	39.0	8.4	16.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
62	NGUYỄN LÊ NHƯ HẰNG	27/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	9	10	39.0	8.4	16.3	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đa Tồn		NV1
63	NGUYỄN QUANG THẮNG	28/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	10	10	39.0	8.4	16.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
64	TRẦN LÊ PHƯƠNG ANH	04/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	9	10	39.0	8.3	17.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
65	NGUYỄN THỊ PHY YẾN	07/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	10	10	10	39.0	8.3	16.2	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đa Tồn		NV1
66	NGUYỄN PHÚ KHÁNH	06/12/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	10	10	10	39.0	8.3	16.1	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
67	PHẠM BÁ THANH	13/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	9	39.0	8.3	14.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
68	LÊ HOÀNG QUÂN	18/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	9	39.0	8.3	13.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
69	NGUYỄN NGỌC HIẾU	25/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	10	10	10	39.0	8.2	14.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
70	TRẦN THỊ GIA HÂN	27/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	9	39.0	8.2	14.7	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
71	ĐÌNH DƯƠNG AN NGỌC	10/04/2008	Quảng Bình	Nữ	Kinh		10	10	10	9	39.0	8.2	14.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
72	NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	08/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	10	10	10	39.0	8.1	14.9	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
73	HOÀNG KHÁNH LINH	04/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	9	10	9	10	39.0	8.0	16.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
74	NGUYỄN PHẠM QUỲNH NHƯ	30/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	10	10	10	39.0	8.0	15.5	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
75	TRẦN ĐỨC TÀI	17/04/2008	Đồng Nai	Nam	Kinh		10	9	10	10	39.0	8.0	15.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
76	KA MY	24/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Châu mạ	1.0	10	10	9	9	39.0	7.8	15.7	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
77	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	29/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	8	10	10	38.0	8.7	16.1	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
78	ĐINH ANH	THƠ	23/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	10	10	38.0	8.5	16.0	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
79	NGÔ NGỌC	HÂN	06/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	10	10	38.0	8.5	15.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
80	PHẠM NGỌC THẢO	NGUYỄN	24/01/2008	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh		9	9	10	10	38.0	8.5	15.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
81	ĐỖ HÀ MAI	PHƯƠNG	24/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	10	10	38.0	8.5	15.4	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
82	DƯƠNG ĐINH YÊN	TRANG	17/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	10	10	38.0	8.5	15.4	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
83	ĐINH TRỌNG	NGHĨA	26/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	9	9	38.0	8.5	15.1	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
84	TRẦN GIA	HÂN	09/10/2008	Đồng Nai	Nữ	Kinh		9	10	9	10	38.0	8.4	16.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
85	TRỊNH MỸ	NGỌC	24/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	10	10	38.0	8.4	16.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
86	NGÔ PHƯỚC	LỘC	12/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	8	10	38.0	8.4	16.4	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
87	ĐẶNG THỊ YẾN	NHI	09/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	10	10	38.0	8.4	16.3	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
88	NGUYỄN THỊ	THẢO	22/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	10	9	10	38.0	8.4	14.8	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
89	BÙI NGUYỄN HỒNG	UYÊN	04/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	10	10	38.0	8.4	14.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
90	NGUYỄN MAI	ANH	25/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	9	10	38.0	8.3	17.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
91	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	29/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	10	10	38.0	8.3	16.0	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
92	PHẠM THỊ THU	THẢO	06/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	10	10	38.0	8.2	16.4	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
93	ĐỖ THỊ MỸ	LỆ	11/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	9	9	10	38.0	8.1	15.9	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đa Tôn		NV1
94	TRẦN MINH	HIẾU	07/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	10	9	10	38.0	8.1	15.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
95	LÊ GIA	NHƯ	30/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	10	10	9	38.0	8.1	14.9	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
96	ĐỖ HỒNG	NGỌC	08/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	8	38.0	8.1	13.1	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
97	PHAN TẤN	ĐẠT	21/07/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	9	10	38.0	8.0	16.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
98	VÕ TẤN TUẤN	ANH	05/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	9	9	38.0	7.9	15.0	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
99	NGUYỄN MINH	KHANG	08/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	9	9	38.0	7.7	13.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
100	TRƯƠNG HOÀNG THỊ THU	PHƯƠNG	27/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	9	9	38.0	7.6	13.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
101	ĐỒNG THỊ NGỌC	TRÂM	06/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	9	9	38.0	7.5	15.3	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
102	NGUYỄN DƯ HOÀI	PHƯƠNG	17/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	9	9	38.0	7.5	13.9	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
103	TRẦN HOÀNG	LONG	26/11/2008	Bình Định	Nam	Kinh		9	8	10	10	37.0	8.5	16.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
104	HUỶNH KHANG PHÚC	THỊNH	04/12/2007	Cà Mau	Nam	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.4	15.0	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
105	THẠCH HUỶNH ANH	KHOA	04/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.3	15.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
106	NGUYỄN THẾ TÀI		14/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.3	14.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
107	PHAN NHƯ	QUỲNH	12/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.3	14.4	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
108	LÊ NGUYỄN NGỌC	HÂN	08/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.2	15.5	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
109	TRẦN TÍN	ĐẠT	28/10/2008	Lâm Đồng	Nam	Hoa	1.0	7	9	10	10	37.0	8.2	14.9	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
110	ĐỖ THỊ THU	HIỀN	13/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.1	15.4	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đa Tồn		NV1
111	NGUYỄN MINH	THUẬN	18/07/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.1	15.3	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
112	ĐẶNG THANH	TRỌNG	12/03/2008	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nam	Kinh		9	9	10	9	37.0	8.1	13.8	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
113	NGUYỄN DƯƠNG HOÀI	NAM	24/10/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.0	15.9	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
114	BÙI THỊ CẨM	UYÊN	25/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	10	37.0	8.0	15.1	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
115	NGUYỄN TRƯỜNG	NHÂN	29/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	10	9	9	37.0	7.9	14.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
116	TRƯƠNG VĨNH	PHÚC	01/10/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	9	9	37.0	7.8	14.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
117	KA	MAI	25/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0	9	9	9	9	37.0	7.7	15.3	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
118	KA	TRÂM	23/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mạ	1.0	9	9	9	9	37.0	7.6	14.3	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
119	PHẠM KHÁNH	HUNG	02/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	9	8	37.0	7.2	14.1	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
120	NGUYỄN HUỶNH THÚY	HUYỀN	15/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.5	15.5	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
121	LÊ NGUYỄN XUÂN	PHI	01/07/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.4	15.6	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
122	NGUYỄN HẢI	YÊN	21/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.2	15.7	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đa Tồn		NV1
123	ĐINH THÚY	NGÂN	19/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.2	15.3	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
124	TRẦN NGỌC THẢO	LY	10/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.2	12.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
125	VŨ HẰNG	NGA	22/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	8	9	10	36.0	8.1	16.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
126	BÙI HUY	HOÀNG	02/06/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.1	12.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
127	ĐỒNG THỊ NGỌC	QUYÊN	02/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.0	15.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
128	ĐẶNG ĐĂNG	KHÔI	16/01/2008	Bình Thuận	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	8.0	15.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
129	TRƯƠNG THỊ NGỌC	TRÂM	12/01/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.9	14.9	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đa Tồn		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
130	TRẦN PHẠM THỦY TRANG	13/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.9	14.5	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
131	BÙI TRỊNH KHÁNH LINH	15/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.9	14.1	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
132	NGUYỄN ĐỖ NHƯ Ý	20/02/2008	Tiền Giang	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.9	14.1	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
133	ĐƯƠNG NGUYỄN HOÀNG PHÁT	13/07/2008	Bình Định	Nam	Kinh		9	10	8	9	36.0	7.8	15.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
134	BÙI QUANG HÙNG	04/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.8	13.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
135	TRẦN THANH HOÀNG	09/06/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.8	13.2	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
136	NGUYỄN VŨ TUẤN NHẬT	28/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.8	13.1	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
137	PHẠM QUANG TRUNG	12/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	14.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
138	NHỮ THỊ HÀ LINH	27/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	13.6	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
139	PHẠM THANH NGÂN	31/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	13.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
140	NGUYỄN LÊ HIẾU NGHĨA	23/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.7	13.0	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
141	NGUYỄN HOÀNG KHẢI	22/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.6	15.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
142	PHẠM THỊ QUỲNH NHƯ	27/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.6	14.8	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
143	LÊ UYÊN BẢO NGÂN	02/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.6	14.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
144	NGUYỄN NGỌC KHÁNH BĂNG	08/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.6	14.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
145	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	07/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.6	14.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
146	BÙI PHẠM THANH TUẤN	05/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.6	13.2	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
147	VŨ THỊ THẢO TRÂM	08/07/2008	Đồng Nai	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.6	12.9	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
148	HỒ THỊ TUYẾT NHI	22/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	15.3	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
149	NGUYỄN ĐỨC HẬU	13/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	14.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
150	PHAN THỊ THU TRANG	28/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	13.1	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
151	TRẦN THỊ THỦY TIỀN	29/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.5	12.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
152	NGUYỄN ĐỨC MINH	05/12/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.4	14.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
153	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	24/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.4	13.6	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
154	BÙI MINH QUANG	11/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.4	13.3	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
155	TRẦN QUANG KHANG	07/06/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.4	12.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
156	TRẦN QUANG NHÂN	06/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.3	14.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
157	NGUYỄN TUẤN KIẾT	24/06/2008	Bến Tre	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.3	12.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
158	NGUYỄN THỊ LỆ THU	10/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.3	12.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
159	NGUYỄN TRANG THANH HUYỀN	29/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.1	14.5	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
160	NGUYỄN VŨ THANH THẢO	02/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.1	13.7	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
161	NGUYỄN BẢO TRÂM	18/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	2.0	9	9	9	7	36.0	7.1	11.9	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
162	TRƯƠNG MINH NHẬT	28/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	9	9	36.0	7.0	12.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
163	LÊ NGỌC VÂN TUYÊN	25/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	9	9	36.0	6.9	12.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
164	LƯU QUỲNH TRANG	24/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	8	9	9	35.0	8.1	14.8	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
165	CAO THỊ BẢO THY	30/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	9	9	10	35.0	8.0	14.7	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
166	NGUYỄN HÒA ANH THU'	09/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		8	9	9	9	35.0	8.0	13.1	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
167	HOÀNG THANH TRÚC	16/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	7	9	9	9	35.0	7.8	14.3	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
168	LÝ DƯƠNG	27/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Khome	1.0	9	7	9	9	35.0	7.8	13.5	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
169	LÊ GIA BẢO	28/02/2008	Đồng Nai	Nam	Kinh		9	8	9	9	35.0	7.6	15.7	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
170	ÂU TRỌNG TRÍ	13/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	9	8	8	35.0	7.6	15.0	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
171	NGUYỄN TRƯƠNG HOÀNG VÂN	27/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	8	9	9	35.0	7.5	13.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
172	TRẦN QUANG MINH	15/06/2008	Phú Thọ	Nam	Kinh		9	9	9	8	35.0	7.4	13.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
173	NGUYỄN LÝ HOÀNG LONG	03/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	8	9	9	35.0	7.3	14.2	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
174	KA YONG THE	07/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mạ	1.0	9	7	9	9	35.0	7.3	12.9	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
175	KA HUYỀN	02/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mạ	1.0	9	7	9	9	35.0	7.2	13.2	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
176	LÊ NGUYỄN LAN ANH	03/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	9	9	9	34.0	7.9	13.7	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
177	DƯƠNG PHAN MINH THU'	02/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.8	16.3	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
178	PHAN VÔ THỦY TIỀN	20/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	9	9	9	34.0	7.8	15.0	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
179	PHẠM VĂN CHUÔNG	20/06/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	9	9	34.0	7.8	13.6	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đạ Tồn		NV1
180	ĐỖ CẨM LY	21/03/2008	Đồng Nai	Nữ	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.7	14.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
181	ĐẶNG NGỌC BẢO TRÂM	11/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	9	9	9	34.0	7.7	14.7	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đạ Tồn		NV1
182	PHAN PHÚC HUY	31/10/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	9	9	34.0	7.6	15.1	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
183	LÊ CÔNG VÕ	11/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	8	9	8	34.0	7.6	13.4	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
184	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	21/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	9	9	34.0	7.6	12.9	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đa Tồn		NV1
185	NGUYỄN PHÚC HẠNH NGUYỄN	21/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.4	14.7	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
186	LÊ NGỌC THẢO NHI	25/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	9	34.0	7.4	13.5	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
187	LÊ PHẠM GIA HUY	24/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	7	9	34.0	7.4	13.4	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
188	TRẦN NGỌC BẢO THUY	19/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	9	9	9	34.0	7.3	12.8	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
189	LÊ NHƯ TÂN	11/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		8	8	9	9	34.0	7.2	14.0	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
190	NGUYỄN HÀ TÂM NHƯ	18/08/2008	Thái Nguyên	Nữ	Kinh		8	8	9	9	34.0	6.9	13.3	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
191	LÃ THỊ NGỌC LINH	08/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	9	34.0	6.9	13.3	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
192	ĐỖ NHẬT QUANG	15/10/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	6	9	33.0	8.1	15.0	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
193	LÊ HOÀNG TRÍ	27/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	6	9	33.0	7.7	13.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
194	KA THẮN	07/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0	7	7	9	9	33.0	7.6	14.0	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
195	TRẦN TRƯỜNG PHONG	15/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		8	8	8	9	33.0	7.5	13.9	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đa Tồn		NV1
196	NGUYỄN ĐIỀN VƯỢNG	14/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	6	9	33.0	7.5	13.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
197	TRẦN MINH TÂN	29/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	8	8	8	33.0	7.5	12.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
198	NGUYỄN HOÀNG PHONG	08/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	6	9	33.0	7.3	11.9	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
199	NGUYỄN MINH THẢO	14/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	6	9	33.0	7.2	12.6	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
200	LÊ KHÁNH VẤN	20/02/2008	Kiên Giang	Nam	Kinh		9	7	9	8	33.0	7.1	12.1	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
201	PHẠM GIA HÂN	25/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	8	8	8	33.0	7.0	13.3	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
202	PHẠM QUỐC HOÀNG	07/09/2008	Hải Dương	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	8.0	12.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
203	TÀO KHÁNH NGỌC	05/12/2008	Thanh Hóa	Nữ	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.7	15.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
204	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	08/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	5	9	32.0	7.6	14.1	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
205	NGUYỄN MINH TUẤN	29/07/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.5	14.0	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đa Tồn		NV1
206	BÙI THỊ THẢO	12/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.5	13.7	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
207	TRẦN THỊ THANH THẢO	11/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	9	32.0	7.5	13.1	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
208	ĐÀO QUỲNH TRANG	15/10/2008	Đồng Nai	Nữ	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.0	11.9	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
209	NGUYỄN THANH PHONG	26/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32.0	7.0	11.8	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
210	MAI THANH KIẾT	18/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		8	9	6	9	32.0	6.9	12.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
211	ĐÌNH TẤN HOÀNG	07/10/2008	Quảng Nam	Nam	Kinh		7	7	9	9	32.0	6.7	12.9	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
212	TRƯƠNG TÂN TÀI	24/10/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32.0	6.7	12.3	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
213	BÙI THANH ĐÀO	19/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	7	7	32.0	6.5	13.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
214	PHAN TUẤN HUY	12/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	7	7	32.0	6.5	13.3	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
215	BÙI LÃNG BẢO VIỆT	16/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	8	9	6	8	32.0	6.5	12.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
216	TRẦN PHẠM GIA BẢO	28/10/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		6	7	9	9	31.0	7.7	15.1	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đa Tồn		NV1
217	PHẠM THỊ NGỌC TUYÊN	09/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		6	7	9	9	31.0	7.5	12.7	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đa Tồn		NV1
218	LƯU QUỐC TUẤN	30/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	8	9	31.0	7.3	12.3	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
219	PHẠM THỊ NGỌC NHƯ	19/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	8	6	8	31.0	7.2	13.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
220	DƯƠNG HOÀNG MINH PHƯƠNG	06/04/2008	Đồng Nai	Nam	Kinh		9	8	6	8	31.0	7.2	13.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
221	ĐOÀN THẾ TÙNG	22/08/2008	Đồng Nai	Nam	Kinh		8	8	6	9	31.0	7.1	15.1	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
222	PHẠM GIA HUY	25/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	8	8	8	31.0	7.1	13.3	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
223	LÊ HOÀNG LAN ANH	29/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	6	8	7	9	31.0	7.0	12.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
224	LƯU GIA TUỆ	25/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	6	8	8	31.0	7.0	12.8	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
225	NGUYỄN ĐỨC THÁI NGUYỄN	16/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		8	7	7	9	31.0	6.9	12.8	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đa Tồn		NV1
226	ĐẶNG XUÂN NGUYỄN	01/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	6	8	8	31.0	6.8	14.4	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
227	PHẠM THỊ KIM HOA	10/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	9	6	9	31.0	6.5	13.1	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
228	ĐOÀN VĨNH HÙNG	29/12/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	9	6	31.0	6.3	11.7	Trường THCS Xã Đa Oai		NV1
229	LƯƠNG NGỌC DŨNG	07/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	9	30.0	7.5	13.9	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
230	PHẠM YẾN VY	15/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	6	6	9	30.0	7.5	13.3	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
231	TRẦN QUANG KHẢI	26/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	9	30.0	7.3	13.0	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
232	KA THẨM	01/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mạ	1.0	7	8	7	7	30.0	7.2	11.8	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
233	LÊ CAO GIA HUY	03/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	9	30.0	7.1	14.0	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
234	NGÔ HỮU HÒA	16/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		6	6	9	9	30.0	7.1	13.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
235	BÙI GIA NGUYỄN	11/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	9	30.0	7.1	13.0	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
236	NGUYỄN TIẾN HÙNG	28/07/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		6	9	6	9	30.0	7.1	12.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
237	ĐINH TRỌNG DÂN	07/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	7	30.0	7.1	11.6	Trường THCS Xã Madaguoi		NV1
238	ĐỖ HOÀNG KIỀU XUÂN	02/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	7	7	30.0	7.0	9.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
239	TẠ HÀ THU	THẢO	19/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	7	9	30.0	6.9	12.4	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
240	TRẦN HUY	HOÀNG	15/02/2008	Đồng Nai	Nam	Kinh		7	9	7	7	30.0	6.9	11.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
241	ĐẶNG ĐỨC	KHANH	05/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	6	9	8	30.0	6.8	13.1	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
242	KA	NƯỞNG	06/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mạ	1.0	7	6	7	9	30.0	6.8	11.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
243	NGUYỄN TRƯỜNG	KHÁNH	09/12/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	8	6	9	30.0	6.8	11.1	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
244	PHẠM NGỌC TUẤN	ANH	05/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	9	30.0	6.6	12.7	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
245	LÊ	MINH	11/07/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		8	8	6	8	30.0	6.5	11.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
246	LÊ TRẦN BẢO	NGỌC	20/05/2008	Đồng Tháp	Nữ	Kinh		9	7	7	7	30.0	6.4	13.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
247	NGUYỄN VĂN	HÙNG	18/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Miền	1.0	9	7	7	6	30.0	6.2	11.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
248	CAO THỊ NHẬT	VI	25/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	6	9	29.0	7.5	13.4	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
249	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	06/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	6	9	29.0	7.5	13.0	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
250	NGUYỄN THU	THẢO	17/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	6	9	29.0	7.2	12.2	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
251	CAO HOÀNG NHẬT	LONG	12/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	6	9	29.0	7.1	12.0	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
252	NGUYỄN TRỌNG	QUYỀN	06/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		6	7	7	9	29.0	7.0	13.7	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đạ Tồn		NV1
253	PHẠM VĂN	ĐỨC	11/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		6	7	7	9	29.0	6.7	10.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
254	HOÀNG TRẦN NGỌC	HÂN	22/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		6	8	8	7	29.0	6.4	11.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
255	TRẦN THỊ TRÀ	MI	26/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	9	7	6	29.0	6.4	10.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
256	NGUYỄN VŨ HẢI	YẾN	23/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	7	7	7	7	29.0	6.2	11.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
257	TRẦN THỊ TUYẾT	ÁNH	16/01/2008	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	1.0	9	7	6	6	29.0	5.5	10.8	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
258	TRẦN HẠO	NAM	29/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		6	6	7	9	28.0	7.0	12.4	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
259	LÊ DUY	ĐĂNG	21/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	6	6	9	28.0	6.8	12.5	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
260	LÊ TRUNG	PHONG	19/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	7	28.0	6.8	11.4	Trường Tiểu Học & THCS Xã Đạ Tồn		NV1
261	LÊ TIẾN	THÀNH	28/04/2008	Đồng Nai	Nam	Kinh		6	7	6	9	28.0	6.5	12.0	Trường THCS Xã Madaguôi		NV1
262	LẠI HUYỀN THẢO	VY	16/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	7	7	28.0	6.5	9.7	Trường THCS Thị Trấn Madaguoi		NV1
263	ĐOÀN LÝ XUÂN	TRƯỜNG	28/07/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	7	28.0	6.3	11.4	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
264	K'	NGHIÊM	23/12/2008	Lâm Đồng	Nam	Châu mạ	1.0	6	7	7	7	28.0	6.2	11.8	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
265	NGUYỄN HOÀNG GIA	HUY	30/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	7	28.0	6.2	11.2	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
266	K' TUYẾT	17/10/2004	Lâm Đồng	Nam	Châu Mạ	1.0	7	7	6	7	28.0	6.2	10.2	Trường THCS Thị Trấn Madagui		NV1
267	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	30/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	7	28.0	6.0	11.1	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
268	LƯU THỊ NGỌC MAI	13/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		6	6	6	9	27.0	7.0	13.0	Trường THCS Thị Trấn Madagui		NV1
269	LÂM HOÀNG GIA BẢO	16/07/2007	Lâm Đồng	Nam	Kinh		6	6	6	9	27.0	7.0	11.9	Trường THCS Thị Trấn Madagui		NV1
270	LÊ THANH THIÊN	29/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	6	6	8	27.0	6.8	13.2	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1
271	VÕ THÀNH HÙNG	14/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		6	6	6	9	27.0	6.8	12.5	Trường THCS Thị Trấn Madagui		NV1
272	ĐỖ VĂN VINH	15/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		6	6	6	9	27.0	6.8	10.2	Trường THCS Thị Trấn Madagui		NV1
273	NGUYỄN HOÀNG ANH TÚ	18/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	6	6	8	27.0	6.7	11.8	Trường THCS Xã Đạ Oai		NV1

Danh sách này có 273 học sinh./.

DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN SINH CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Công nhận trúng tuyển 273 học sinh, trong đó:

- Số HS tuyển thẳng: 0 HS gồm: HS trường PT DTNT : 0 HS, HS khuyết tật: 0 HS

- Số HS nguyện vọng 1: 273 HS,

Điểm chuẩn NV1 gồm: Tổng điểm: 27.0 điểm; Điểm TBCN lớp 9: 6.7 Điểm; Điểm Toán + Văn: 11.8 điểm

- Số HS nguyện vọng 2: 0 HS,

Điểm chuẩn NV2 gồm: Tổng điểm: điểm; Điểm TBCN lớp 9: Điểm; Điểm Toán + Văn: điểm

- Số lớp: lớp; Sĩ số: HS/lớp

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lâm Đồng, ngày tháng năm.....